AR-26-VZ-002637-01 / EUVN004-00007431

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

| | |
|---|---|
| **Đơn vị gửi mẫu** | : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LONG ĐỨC** |
| **Địa chỉ** | : Khu Công nghiệp Long Đức, Xã Bình An, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam |
| **Ngày gửi mẫu** | : 06/03/2026 |
| **Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu** | : Nước thải - Đầu vào KCN Long Đức - 12h00 ngày 05/03/2026 |
| **Tình trạng mẫu** | : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa |
| **Mã số mẫu** | : 607-2026-00001542 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | | | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | PHƯƠNG PHÁP THỬ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VZ002 | VZ | **Nhiệt độ** | °C | **30,2** | SMEWW 2550B:2023 |
| 2 | VZ008 | VZ | **Màu** | Pt-Co | **3** | SMEWW 2120C:2023 |
| 3 | VZ001 | VZ | **pH** | - | **7,40** | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) |
| 4 | VZ00B | VZ | **$BOD_5$** | mg/l | **38** | SMEWW 5210B:2023 |
| 5 | VZ054 | VZ | **COD** | mg/l | **69** | SMEWW 5220C:2023 |
| 6 | VZ009 | VZ | **Chất rắn lơ lửng** | mg/l | **56** | TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997) |
| 7 | VZ00U | VZ | **Asen** | mg/l | **KPH (MDL=0,0005)** | SMEWW 3114C:2023 |
| 8 | VZ010 | VZ | **Thủy ngân** | mg/l | **KPH (MDL=0,001)** | SMEWW 3112B:2023 |
| 9 | VZ0EE | VZ | **Cadimi** | mg/l | **KPH (MDL=0,01)** | SMEWW 3120B:2023 |
| 10 | VZ0ED | VZ | **Chì** | mg/l | **KPH (MDL=0,02)** | SMEWW 3120B:2023 |
| 11 | VZ05E | VZ | **Crôm VI** | mg/l | **KPH (MDL=0,005)** | SMEWW 3500-Cr.B:2023 |
| 12 | VZ00X | VZ | **Crôm III** | mg/l | **KPH (MDL=0,01)** | SMEWW 3120B:2023 & SMEWW 3500Cr.B:2023 |
| 13 | VZ0EA | VZ | **Đồng** | mg/l | **KPH (MDL=0,02)** | SMEWW 3120B:2023 |
| 14 | VZ0EC | VZ | **Kẽm** | mg/l | **0,411** | SMEWW 3120B:2023 |
| 15 | VZ0E7 | VZ | **Niken** | mg/l | **0,042** | SMEWW 3120B:2023 |
| 16 | VZ0EB | VZ | **Mangan** | mg/l | **0,085** | SMEWW 3120B:2023 |
| 17 | VZ0E9 | VZ | **Sắt** | mg/l | **0,260** | SMEWW 3120B:2023 |
| 18 | VZ00M | VZ | **Tổng xianua** | mg/l | **KPH (MDL=0,002)** | SMEWW 4500-CN-.C&E:2023 |
| 19 | VZ05B | VZ | **Tổng Phenol** | mg/l | **0,013** | US EPA method 420.1 |
| 20 | VZ00S | VZ | **Tổng dầu mỡ khoáng** | mg/l | **0,8** | SMEWW 5520-B&F:2023 |
| 21 | VZ011 | VZ | **Sunfua** | mg/l | **KPH (MDL=0,03)** | SMEWW 4500-$S^{2-}$.B&D:2023 |
| 22 | VZ00K | VZ | **Florua** | mg/l | **1,05** | SMEWW 4500-F-.B&D:2023 |



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 11
Effective date: 08/10/2025

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | | | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | PHƯƠNG PHÁP THỬ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | VZ00D | VZ | **Amoni (tính theo N)** | mg/l | **8,1** | SMEWW 4500-$NH_3$.B&C:2023 |
| 24 | VZ00Q | VZ | **Tổng nitơ** | mg/l | **14,8** | TCVN 6638:2000 (ISO10048:1991) |
| 25 | VZ00P | VZ | **Tổng phospho** | mg/l | **1,63** | SMEWW 4500-P.B&D:2023 |
| 26 | VZ00L | VZ | **Clorua ($Cl^-$)** | mg/l | **64,0** | SMEWW 4500-Cl-.D:2023 |
| 27 | VZ012 | VZ | **Clo dư** | mg/l | **KPH (MDL=0,03)** | TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017) |
| 28 | VZ013 | VZ | **Tổng Coliform** | MPN/100 ml | **$4,9x10^4$** | SMEWW 9221B:2023 |

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

**Ký tên**

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-26-VZ-002583-01 / EUVN004-00007425

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

| | |
|---|---|
| **Đơn vị yêu cầu** | : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LONG ĐỨC** |
| **Nơi lấy mẫu** | : **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC** |
| **Địa chỉ** | : KCN Long Đức, xã Bình An, tỉnh Đồng Nai |
| **Ngày lấy mẫu** | : 05/03/2026 |
| **Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu** | : Nước thải sau xử lý khu công nghiệp Long Đức |
| **Tình trạng mẫu** | : Mẫu lỏng, đựng trong chai nhựa |
| **Mã số mẫu** | : 607-2026-00001527 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | | | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Kq=0.9, Kf=0.9 | PHƯƠNG PHÁP THỬ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VZ002 | VZ | **Nhiệt độ** | °C | **30,2** | 40 | SMEWW 2550B:2023 |
| 2 | VZ001 | VZ | **pH** | - | **7,38** | 6-9 | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) |
| 3 | VZ054 | VZ | **COD** | mg/l | **12** | 60,75 | SMEWW 5220C:2023 |
| 4 | VZ009 | VZ | **Chất rắn lơ lửng** | mg/l | **4** | 40,5 | TCVN 6625:2000 (ISO 11923:1997) |
| 5 | VZ00D | VZ | **Amoni (tính theo N)** | mg/l | **KPH (MDL=0,5)** | 4,05 | SMEWW 4500-$NH_3$.B&C:2023 |

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

**Ký tên**

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

AR-26-VZ-002619-01 / EUVN004-00007362

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

| | |
|---|---|
| **Đơn vị yêu cầu** | : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ LONG ĐỨC** |
| **Nơi lấy mẫu** | : **TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP LONG ĐỨC** |
| **Địa chỉ** | : KCN Long Đức, Xã Bình An, tỉnh Đồng Nai |
| **Ngày lấy mẫu** | : 03/03/2026 |
| **Vị trí lấy mẫu / Ký hiệu mẫu** | : Bùn thải sau máy ép bùn của HTXL nước thải, công suất 9.000 m³/ngày<br>- Mẫu 1: 9h00<br>- Mẫu 2: 12h00<br>- Mẫu 3: 15h00 |
| **Tình trạng mẫu** | : Mẫu rắn, đựng trong túi nhựa |
| **Mã số mẫu** | : 607-2026-00001402 |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | | | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | QCVN 50:2013/BTNMT - Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/l) | QCVN 50:2013/BTNMT - Hàm lượng tuyệt đối cở sở H (ppm) | PHƯƠNG PHÁP THỬ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | VZ02S | VZ | **pH** | - | **7,38** | ≤ 2,0: tính axít; ≥12,5: tính kiềm | - | U.S. EPA Method 9045D & U.S. EPA Method 9040C |
| 2 | VZ0BH | VZ | **Arsen (As)** | mg/l | **KPH (MDL=0,2)** | 2 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 3 | VZ0BI | VZ | **Bari (Ba)** | mg/l | **2,33** | 100 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 4 | VZ0BM | VZ | **Bạc (Ag)** | mg/l | **KPH (MDL=0,1)** | 5 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 5 | VZ0BR | VZ | **Cadimi (Cd)** | mg/l | **KPH (MDL=0,1)** | 0,5 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 6 | VZ0BQ | VZ | **Chì (Pb)** | mg/l | **KPH (MDL=0,1)** | 15 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 7 | VZ0BL | VZ | **Coban (Co)** | mg/l | **0,724** | 80 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 8 | VZ0BK | VZ | **Niken (Ni)** | mg/l | **0,989** | 70 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |
| 9 | VZ038 | VZ | **Thủy ngân (Hg)** | mg/l | **KPH (MDL=0,003)** | 0,2 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 7471B |
| 10 | VZ03A | VZ | **Crôm VI ($Cr^{6+}$)** | mg/l | **KPH (MDL=0,02)** | 5 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 7196A |
| 11 | VZ0BP | VZ | **Kẽm (Zn)** | mg/l | **12,6** | 250 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 6010D |



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com
Document number: BM.07.06
Version: 11
Effective date: 08/10/2025

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM | ĐƠN VỊ | KẾT QUẢ | QCVN 50:2013/BTNMT - Nồng độ ngâm chiết, Ctc (mg/l) | QCVN 50:2013/BTNMT - Hàm lượng tuyệt đối cở sở H (ppm) | PHƯƠNG PHÁP THỬ |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | VZ0S1 S4 **Selen (Se)** | mg/l | KPH (MDL=0,0015) | 1 | - | U.S. EPA Method 1311 & U.S. EPA Method 7010 |
| 13 | VZ063 VZ **Xyanua ($CN^-$)** | mg/kg | KPH (MDL=1) | - | 85,6 | U.S. EPA Method 9010C & U.S. EPA Method 9013A & U.S. EPA Method 9014 |
| 14 | VZ02Y VZ **Tổng dầu** | mg/kg | KPH (MDL=25) | - | 145 | U.S. EPA Method 9071B & SMEWW 5520E:2023 |
| 15 | VZ02Z VZ **Phenol** | mg/kg | KPH (MDL=0,5) | - | 2900 | U.S. EPA Method 3540C & U.S. EPA Method 3630C & U.S. EPA Method 8041A |
| 16 | VZ0GJ VZ **Benzene** | mg/kg | KPH (MDL=0,02) | - | 1,5 | U.S. EPA Method 5021A & U.S. EPA Method 8260D |
| 17 | VZ0GM VZ **Naphthalene** | mg/kg | KPH (MDL=0,02) | - | 145 | U.S. EPA Method 5021A & U.S. EPA Method 8260D |
| 18 | VZ0GK VZ **Toluen** | mg/kg | KPH (MDL=0,02) | - | 2900 | U.S. EPA Method 5021A & U.S. EPA Method 8260D |
| 19 | VZ0GQ VZ **Clorobenzen** | mg/kg | KPH (MDL=0,02) | - | 203 | U.S. EPA Method 5021A & U.S. EPA Method 8260D |

Hệ số T = 0,1
MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
KPH: Không phát hiện.
- : Không có giá trị.

**Ký tên**

Đỗ Lâm Như Ý
Trưởng nhóm Kiểm soát Chất lượng

Huỳnh Ngọc Phương Mai
Giám đốc



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com

# BÁO CÁO SƠ BỘ KẾT QUẢ

VIMCERTS 052

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến ETM trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, ETM không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa ETM và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/environment-testing/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phép thử không bắt đầu bởi ký tự "VZ" được thực hiện tại các phòng thí nghiệm khác của Eurofins.

"S4": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm VIMCERT 304.



**EUROFINS ETM**
Lot T2-6, D1 street, Saigon Hi-Tech Park, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Web: www.eurofins.vn/vn/environment-testing
Phone: (028) 3733 2121
Email: Eurofins_ETM_ASM@eurofinsasia.com